TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2021/DS-ST
Ngày: 06-7-2021
V/v tranh chấp Hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Châu Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Phước Trinh

Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Hải Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng dịch vụ theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên toà số: 245/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Số 52/2 đường 32, ấp Thượng, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Lâm Thị R, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 161A đường Lê Minh Nhựt, ấp Trung, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 02/6/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 05/8/2018, bà Lâm Thị R có nhận làm dịch vụ giấy tờ về việc tách

thửa đất cho ông D với giá 40.000.000 đồng. Bà R có nhận trước số tiền 15.000.000 đồng có ký nhận, một tuần sau bà R đến nhà ông D lấy thêm 4.000.000 đồng nhưng không ký nhận cũng không có ai làm chứng. Tổng số tiền bà R đã nhận của ông là 19.000.000 đồng, còn lại khi giấy tờ xong sẽ nhận. Khi làm hợp đồng có bà Nguyễn Thị Xiêm làm chứng bà R hứa trong thời gian 12 tháng không làm được sẽ hoàn trả lại số tiền đã nhận cho ông D. Nhưng đã quá 12 tháng mà bà R không làm được giấy tờ, cũng không hoàn trả lại số tiền đã nhận. Ông D yêu cầu bà Lâm Thị R trả lại số tiền đã nhận của ông là 19.000.000 đồng. Ông không yêu cầu Tòa án triệu tập bà Nguyễn Thị Xiêm làm người làm chứng. Số tiền mà ông đã giao cho bà R là tiền riêng của ông, không liên quan đến vợ ông.

Bị đơn: Bà R vắng mặt tại phiên toà, không rõ lý do vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu quan điểm:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Kiến nghị khắc phục vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

* Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 15.000.000 đồng, trả 01 lần ngay khi án phát sinh hiệu lực pháp luật, không chấp nhận yêu cầu bị đơn trả số tiền là 4.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết buộc bị đơn trả tiền đã nhận để làm dịch vụ tách thửa đất, đây là tranh chấp hợp đồng dịch vụ được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Lâm Thị R hiện đang cư trú tại số 161A đường Lê Minh Nhựt, ấp Trung, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được tống đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng bị đơn không đến tòa để tham gia tố tụng mà không rõ lý do vắng mặt, bị đơn không cung cấp cho Tòa án ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn cũng như phía bị đơn không cung cấp chứng cứ, tài liệu liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử chỉ xem xét tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử nhưng bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt, không rõ lý do vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Khi bị đơn nhận tiền làm dịch vụ cho nguyên đơn thì không có mặt chồng bị đơn và đây là hợp đồng dịch vụ nên không chứng minh được số tiền mà bị đơn nhận từ nguyên đơn sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, hơn nữa tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bị đơn trả tiền không yêu cầu chồng bị đơn trả tiền và tiền mà nguyên đơn giao cho bị đơn là tiền cá nhân của nguyên đơn không liên quan đến ai khác nên Hội đồng xét xử xác định vợ nguyên đơn và chồng bị đơn không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Ông D yêu cầu bà R trả số tiền đã nhận của ông là 19.000.000 đồng, trả một lần ngay khi án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét hợp đồng ngày 05/8/2018 thể hiện nội dung bà Lâm Thị R có nhận làm dịch vụ giấy tờ về việc tách thửa đất cho ông D với giá 40.000.000 đồng. Bà R có nhận trước số tiền 15.000.000 đồng và có ký nhận, số tiền còn lại khi có giấy thì bà R nhận đủ. Bà R hứa trong thời gian 12 tháng không làm được sẽ hoàn trả lại số tiền đã nhận cho ông D. Đến nay, bà R làm giấy tờ đất không được, cũng không trả lại số tiền đã nhận cho ông D và bà R không đưa ra một chứng cứ tài liệu nào chứng minh đã thực hiện dịch vụ đến giai đoạn nào, ông D nhiều lần yêu cầu bà R trả lại tiền nhưng bà R không trả, điều này chứng tỏ bà R có lỗi, vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng lãnh giấy, vi phạm nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ theo Điều 517 Bộ luật Dân sự năm 2015 và ông D không có nghĩa vụ trả tiền theo Điều 519 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông D đối với số tiền 15.000.000

đồng có cơ sở chấp nhận, phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi.

Xét việc ông D trình bày một tuần sau khi ký hợp đồng bà R có nhận thêm của ông số tiền là 4.000.000 đồng nhưng không có ký nhận không ai làm chứng là không có cơ sở chấp nhận.

Xét thời hạn thực hiện hợp đồng dịch vụ trong hợp đồng không thể hiện nhưng nguyên đơn trình bày là bà R hứa bằng lời nói là 12 tháng sẽ xong giấy tờ, thời gian từ khi ký hợp đồng đến nay đã gần 03 năm, hơn nữa bà R đã nhận các thông báo của Tòa án về yêu cầu của ông D nhưng bà R không đến Tòa án, cũng không có ý kiến về yêu cầu của ông D. Như vậy có cơ sở xác định đã quá thời hạn thỏa thuận và ông D đã có thời gian báo trước cho bà R về yêu cầu nhận lại tiền.

Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận, nguyên đơn phải chịu án phí về phần yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 468, Điều 513, Điều 514, Điều 517, Điều 519, Điều 520 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Lâm Thị R phải trả cho ông Lê Văn D số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Thời gian và cách trả: Trả một lần ngay khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lâm Thị R phải chịu án phí là 750.000đ (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Ông Lê Văn D phải chịu số tiền án phí là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng), cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí ông đã nộp là 475.000đ (Bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). Hoàn trả cho ông Lê Văn D số tiền 275.000đ (Hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0084181 ngày 02/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án này là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THA DS Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Châu Trinh